

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: 2580/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bình Định, ngày 13 tháng 07 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án Tuyến đường Bắc – Nam số 2, đoạn từ đường ĐH.34,
xã Nhơn Hậu kết nối với đường Quốc lộ 19B,
phường Nhơn Thành của UBND thị xã An Nhơn**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 291/STNMT-CCBVM ngày 10/02/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của dự án Tuyến đường Bắc – Nam số 2, đoạn từ đường ĐH.34, xã Nhơn Hậu kết nối với đường Quốc lộ 19B, phường Nhơn Thành;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Tuyến đường Bắc – Nam số 2, đoạn từ đường ĐH.34, xã Nhơn Hậu kết nối với đường Quốc lộ 19B, phường Nhơn Thành đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 912/UBND ngày 21/6/2023 của UBND thị xã An Nhơn;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 835/TTr-STNMT ngày 12/7/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Tuyến đường Bắc – Nam số 2, đoạn từ đường ĐH.34, xã Nhơn Hậu kết nối với đường Quốc lộ 19B, phường Nhơn Thành (sau đây gọi là Dự án) của UBND thị xã An Nhơn (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Nhơn Hậu và phường Nhơn Thành, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thị xã An Nhơn;
- UBND xã Nhơn Hậu;
- UBND phường Nhơn Thành;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
TUYẾN ĐƯỜNG BẮC – NAM SỐ 2, ĐOẠN TỪ ĐƯỜNG ĐH.34,
XÃ NHƠN HẬU KẾT NỐI VỚI ĐƯỜNG QUỐC LỘ 19B,
PHƯỜNG NHƠN THÀNH CỦA UBND THỊ XÃ AN NHƠN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Tuyến đường Bắc – Nam số 2, đoạn từ đường ĐH.34, xã Nhơn Hậu kết nối với đường Quốc lộ 19B, phường Nhơn Thành.
- Địa điểm thực hiện: xã Nhơn Hậu và P. Nhơn Thành, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Chủ dự án: UBND thị xã An Nhơn.
- Địa chỉ liên hệ: Số 78 Lê Hồng Phong, phường Bình Định, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

1.2. Phạm vi, quy mô

- Phạm vi:
 - + Điểm đầu: Trước cổng chào làng nghề truyền thống bún tươi Ngãi Chánh, Đường ĐH.34 (Đập Đá – Tây Vinh) thuộc thôn Ngãi Chánh, xã Nhơn Hậu, thị xã An Nhơn.
 - + Điểm cuối: Giáp với đường Quốc lộ 19B (tại Km38+100) thuộc khu vực Vĩnh Phú, phường Nhơn Thành, thị xã An Nhơn.
- Quy mô: Dự án có tổng chiều dài tuyến 4,403 km, chia làm 04 đoạn.
 - + Đoạn 1 (Km0 – Km1+71; chiều dài 1.071 m): Bề rộng nền đường: 30 m.
 - + Đoạn 2 (Km1+71 – Km2+926; chiều dài 1.855 m): Bề rộng nền đường: 23 m.
 - + Đoạn 3 (Km2+926 – Km4+162; chiều dài 1.237 m): Bề rộng nền đường: 21,5 m.
 - + Đoạn 4 (Km4+162 – Km4+403; chiều dài 240 m): Bề rộng nền đường: 28 m.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình chính của dự án:

- Nền, mặt đường: nền đường đắp bằng đất cấp III, đầm chặt K95; mặt đường đắp bằng cấp phối đá dăm, lớp trên thảm bê tông nhựa.
- Dải phân cách và vỉa hè: bằng bê tông xi măng, vỉa hè lát gạch Block.
- Hệ thống thoát nước:

+ Phần cầu: 01 cầu với chiều dài 132 m (cầu Bến Gỗ), 01 cầu với chiều dài 15 m, 01 cầu bản với chiều dài 2 m, 01 cầu bản với chiều dài 3 m.

+ Phần cống: Cống vuông: 05 cái, kết cấu bằng BTCT; Cống tròn: 03 cống D1000, BTLT chịu lực.

+ Hệ thống thoát nước mặt đường: xây dựng hệ thống thoát nước mặt đoạn 1, đoạn 4 bằng cống D600, D1000 và các hố ga.

1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ của dự án: Hệ thống an toàn giao thông, điện chiếu sáng, cây xanh.

1.3.3. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường: lán trại thi công với diện tích khoảng 30 m²; 01 nhà vệ sinh di động; bãi tập kết tạm có diện tích 100 m²; các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại có dán nhãn cảnh báo; 01 trạm trộn bê tông có diện tích 200 m²; 01 bãi thải có diện tích 29.000 m².

1.4. Yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa với diện tích khoảng 15.611 m².

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

Quá trình thi công xây dựng: phát sinh nước thải, ô nhiễm nước mưa chảy tràn cuốn theo bùn, đất, chất thải rắn, chất thải nguy hại, tiếng ồn, bụi và khí thải từ các thiết bị thi công, nguy cơ ô nhiễm nguồn nước tại khu vực, hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, nguy cơ mất an toàn giao thông; ảnh hưởng đến việc thoát nước khu vực xung quanh,...

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh

3.1. Nước thải, khí thải

- Nước mưa chảy tràn có lẫn bùn, đất.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 2,16 m³/ngày, có hàm lượng các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD, COD) và vi sinh cao,...

- Nước thải xây dựng: phát sinh từ hoạt động rửa xe, rửa thiết bị với lưu lượng khoảng 5 m³/ngày. Thành phần ô nhiễm chính: Chất rắn lơ lửng (TSS), dầu mỡ,...

- Khí thải, bụi phát sinh từ quá trình thi công, vận chuyển nguyên vật liệu và quá trình đổ nhựa đường.

3.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

3.2.1. Chất thải rắn thông thường

- Hoạt động bóc phong hóa phát sinh khoảng 44.165 m³.

- Hoạt động giải phóng mặt bằng phát sinh khoảng 117 m³ xà bần, benonite thải khoảng 82,71 m³.

- Chất thải rắn sinh hoạt (bao bì nhựa, vỏ hộp, thức ăn thừa,...) phát sinh

khoảng 48 kg/ngày, có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy; gây mùi hôi và ruồi, nhặng.

3.2.2. Chất thải nguy hại: Hoạt động thi công xây dựng của dự án có phát sinh chất thải nguy hại: giẻ lau dính dầu thải, que hàn thải, bóng đèn huỳnh quang,...với khối lượng khoảng 55 kg trong thời gian thi công.

3.3. Tiếng ồn và độ rung: Phát sinh trong quá trình thi công xây dựng, vận chuyển nguyên vật liệu.

3.4. Các tác động khác không liên quan đến chất thải: Tác động từ quá trình chiếm dụng đất; hoạt động thi công gây nguy cơ ô nhiễm, hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, nguy cơ ngập úng cục bộ, mất an toàn giao thông,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, bụi, khí thải

4.1.1. Về xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt: bố trí 01 nhà vệ sinh di động tại khu vực lán trại của công trường để thu gom nước thải sinh hoạt; thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Nước thải xây dựng từ hoạt động xịt rửa bánh xe: tại công trường thi công 01 hố lắng cấu tạo 03 ngăn, dung tích 03 m³/hố để lắng lọc toàn bộ nước thải từ hoạt động xịt rửa bánh xe. Nước sau khi lắng cặn được tái sử dụng vào mục đích làm ẩm nguyên vật liệu thi công, đất đá thải trước khi vận chuyển, tưới nước dập bụi.

- Nước thải trạm trộn bê tông: xây dựng 01 hố lắng, cấu tạo 02 ngăn, dung tích 10 m³ để thu gom toàn bộ nước thải phát sinh của trạm trộn. Nước sau khi lắng cặn được tái sử dụng vào mục đích làm ẩm nguyên vật liệu thi công, đất đá thải trước khi vận chuyển, tưới nước dập bụi.

- Nước mưa chảy tràn: bố trí các rãnh thu gom, nước mưa trong khu vực thi công; thường xuyên nạo vét các rãnh thoát nước để đất, cát được lưu giữ lại, đảm bảo nước được lắng trong trước khi thải ra ngoài môi trường.

4.1.2. Về xử lý bụi, khí thải

- Phun nước làm ẩm trong hoạt động lưu giữ vật liệu.

- Phun nước giảm thiểu bụi tại các tuyến đường gần khu vực có hoạt động lưu thông của các phương tiện thi công, vận chuyển.

- Phương tiện vận chuyển có bạt che phủ, không chở quá tải, không làm rơi vãi đất đá, nguyên vật liệu, chạy đúng tốc độ theo quy định.

- Sử dụng xe vận chuyển, máy móc, thiết bị thi công còn niên hạn sử dụng, định kỳ được kiểm tra bảo dưỡng và kiểm định đảm bảo an toàn kỹ thuật và môi trường theo quy định.

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt: bố trí các thùng đựng rác tại công trường, khu vực lán trại để thu gom. Rác thải sẽ được thu gom và hợp đồng với các đơn vị thu gom rác thải trên địa bàn để vận chuyển đi xử lý.

- Chất thải rắn xây dựng:

Đất bóc phong hóa (khoảng 44.165 m³), xà bần (khoảng 117 m³), bentonite thải (khoảng 82,71 m³) được vận chuyển đổ thải tại bãi thải Hóc ông Liền có diện tích 29.000 m² với cao độ đổ thải là 1,5 m (thửa đất hoang, tờ bản đồ số 27 thuộc khu vực Vĩnh Phú, phường Nhơn Thành do UBND phường Nhơn Thành quản lý) nằm phía Bắc Quốc lộ 19B và phía Nam sân bay Phù Cát), cách vị trí cuối công trình khoảng 3 km.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Thu gom, lưu chứa toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh tại mỗi công trường vào thùng chứa chuyên dụng, có nắp đậy kín, dán nhãn theo quy định để lưu giữ và phân loại chất thải; tập kết tại kho lưu chứa chất tạm thời tại công trường thi công; có gắn dấu hiệu cảnh báo nguy hại, đảm bảo không rò rỉ, bay hơi, rơi vãi, phát tán ra môi trường.

- Ký kết hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh.

4.3. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

- Sử dụng các phương tiện đạt đăng kiểm, thường xuyên bảo dưỡng các máy móc thi công.

- Yêu cầu đơn vị thi công lắp đặt các thiết bị giảm âm và chống rung đối với các thiết bị gây ồn và rung cao: máy đầm, xe lu, máy trộn bê tông, ...

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Phương án giảm thiểu tác động do hoạt động chiếm dụng đất lúa

- Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, ổn định sinh kế theo quy định cho các hộ dân chịu tác động do hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất đối với khoảng 15.611 m² đất lúa bị chiếm dụng vĩnh viễn. Dự án chỉ được phép triển khai sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định.

- Đối với khu vực chiếm dụng tạm thời 30 m² bố trí lán trại: sau khi kết thúc Dự án, tiến hành dọn dẹp mặt bằng, san gạt lớp đất mặt tạo bề mặt bằng phẳng trước khi bàn giao lại cho người dân, địa phương.

4.4.2. Biện pháp giảm thiểu tác động tới hoạt động giao thông

- Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân luồng giao thông đảm bảo trong quá trình thi công.

- Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công của dự án để người tham gia giao thông và người dân xung quanh được biết.

4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.5.1. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố kỹ thuật: Tuân thủ đúng theo phương án thiết kế kỹ thuật và thiết kế đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; kiểm tra và nghiệm thu các công trình và khắc phục ngay khi phát hiện sự cố.

4.5.2. Phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố cháy, nổ: Lập phương án chữa cháy, thoát nạn trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; xây dựng nội quy công trường và các biện pháp phòng cháy, chữa cháy; lắp đặt biển báo cấm lửa tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ; thông báo ngay cho cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để có biện pháp phối hợp xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố.

4.5.3. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động: Xây dựng nội quy làm việc tại công trường và tuyên truyền, phổ biến cho công nhân, đặc biệt là biện pháp bảo đảm an toàn thi công trong mùa mưa lũ; tuân thủ tuyệt đối các nội quy về an toàn lao động và thường xuyên kiểm tra công tác bảo hộ lao động tại công trường.

4.5.4. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố ngập úng: Thi công hoàn thành các hạng mục đắp đất nền trước mùa mưa; thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không gây ứ đọng, ngập úng.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ Dự án trong giai đoạn thi công xây dựng

5.1. Giám sát môi trường không khí xung quanh

- Vị trí giám sát: 04 vị trí.

+ 01 điểm đầu dự án, gần cổng chào làng nghề truyền thống bún tươi Ngãi Chánh và đường ĐH.34, (tọa độ X: 1.539.135; Y: 589.411).

+ 01 điểm giữa Km0+680 khu vực dự án gần khu dân cư hiện trạng thuộc xã Nhơn Hậu (tọa độ X: 1.539.371; Y: 588.820).

+ 01 điểm cuối dự án, giáp với đường Quốc lộ 19B thuộc khu vực Vĩnh Phú, phường Nhơn Thành (tọa độ X: 1.542.573; Y: 597.559).

+ 01 điểm tại Km3+175m, bố trí trạm trộn BTXM (tọa độ X: 1.541.498; Y: 587.817).

- Thông số giám sát: Bụi lơ lửng, CO, NO₂, SO₂, tiếng ồn.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT; QCVN 26:2010/BTNMT.

5.2. Giám sát nước mặt

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại Khu vực Cầu Bến Gỗ (tọa độ X: 1.541.301; Y: 587.909)

- Thông số giám sát: pH, TSS, NH_4^+ , COD, BOD_5 , PO_4^{3-} , dầu mỡ, tổng coliform.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08:2015/BTNMT, cột B₁.

5.3. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại: Giám sát về khối lượng phát sinh, thành phần phát sinh, quá trình thu gom, lưu giữ để quản lý theo quy định.